

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM BẢNG  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 10/12/2021  
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Bùi Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Ông Nguyễn Duy Vĩnh.

*Thư ký phiên toà:* Ông Trần Quang Tất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:* Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, Thông báo mở lại phiên toà số 02/TB-TA ngày 05 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự;

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

\* Bị đơn: Anh Trịnh Văn N, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn ly hôn đề ngày 05 tháng 10 năm 2021 và lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Trịnh Văn N kết hôn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 2007 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N mắc nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Năm 2017 anh N bị bắt và bị xử phạt hai năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, sau khi chấp hành án xong vợ chồng về chung sống nhưng anh N không từ bỏ được ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau. Tháng 6 năm 2021 chị về

nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam sinh sống, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 11 năm 2021 bị đơn là anh Trịnh Văn N trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị T đã trình bày. Nay chị T làm đơn ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn chị T về đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn N thống nhất xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Trịnh Khánh L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2007, hiện nay cháu đang ở với chị T. Khi ly chị T, anh N thống nhất giao cháu L cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung: Chị T, anh N không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Chị T, anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không sửa đổi, bổ sung, thay đổi gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn N.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Khánh L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2007 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Trịnh Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T. Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung đối với anh Trịnh Văn N là bị đơn có nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Trịnh Văn N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 2007 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N mắc nghiện ma túy, chị T và gia đình đã khuyên bảo, tạo điều kiện để anh N từ bỏ ma túy nhưng anh N không thay đổi mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh N, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T, anh N có một con chung là cháu Trịnh Khánh L, sinh ngày 22/8/2007, hiện nay cháu đang ở với chị T. Xét thấy cháu L là con gái, đang tuổi trưởng thành cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, nguyện vọng của cháu L là ở với chị T. Hiện nay chị T đang làm công nhân tại Công ty TNHH NMS Việt Nam có mức thu nhập ổn định. Anh N không có công ăn việc làm, khi ly hôn chị T, anh N thống nhất giao cháu Trịnh Khánh L cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Trịnh Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[6] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T nên chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Khánh L, sinh ngày 22/8/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi

cháu L đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Trịnh Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0000002 ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trịnh Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Nguyệt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Nguyệt**